

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trọng**

2. Ông **Phạm Hùng Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H** sinh năm: 1984

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh H cự cãi với nhau, anh H đánh chị. Chị và anh H không còn chung sống với nhau từ khi anh H đi chấp hành án phạt tù năm 2012 cho đến nay, trong thời gian này chị cũng có quan hệ tình cảm với người khác. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2008 hiện cháu H đang sống với anh H, cháu T đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, để anh H nuôi dưỡng cháu H, hai bên không phải cấp

dưỡng nuôi con đôi với nhau. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn bản tự khai không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 23 tháng 4 năm 2018 bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với chị T về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì anh đi chấp hành án phạt tù, chị T ở nhà có quan hệ tình cảm với người khác nên anh và chị T không còn sống chung với nhau từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Về con chung: anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh H đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Bè triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2006 đến ngày 20 tháng 11 năm 2008 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị T và anh H đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác và có thời gian dài không còn chung sống với nhau (từ năm 2012 đến nay) cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2007 và Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2008 hiện cháu H đang sống với anh H, cháu T đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, để anh H nuôi dưỡng cháu H, anh H yêu cầu được nuôi hết 02 con chung. Xét thấy cháu H đang sống với anh H, cháu có nguyện vọng được sống với anh H còn cháu T hiện đang sống với chị T đã lâu dài và ổn định, cháu có nguyện vọng được sống với chị T. Do đó cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của hai cháu nên giao cháu H cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H
 2. Về nuôi con chung:
 - Giao 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 29 tháng 3 năm 2007 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.
 - Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con đối với nhau.
 - Chị T và anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị T và anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với nhau.
 3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.
 4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08420 ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
 5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh H thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đặt bản án.
- Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện C;

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B,
huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

